

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/HNGĐ - ST

Ngày 12/01/2023

V/v: Không công nhận là vợ chồng,
tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hồng Ngọc
2. Ông Hà Công Thắng

-Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện V.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023 Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2022/TLST - HNGĐ ngày 11/10/2022 về không công nhận là vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXX ST- HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/12/2022; Thông báo mở lại phiên tòa số 195/2022/TB-TA ngày 27/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Hoàng Văn K, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị Đinh Thị L trình bày: Chị và anh Hoàng Văn K chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 27/9/2006 được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường cãi nhau, anh K hay đi chơi cờ bạc, không tu chí làm ăn, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình và chính quyền hòa giải nhưng không được, hiện nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Hoàng Xuân T, sinh ngày 10/12/2008 và Hoàng Thị N1, sinh ngày 10/8/2016. Sau ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi con Hoàng Thị N1, còn để anh K nuôi con Hoàng Xuân T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Đinh Thị L xuất trình xác nhận thu nhập bình quân của chị là 150.000 đồng/ ngày, được Ủy ban nhân dân xã N xác nhận.

Toà án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Hoàng Văn K không có mặt để giải quyết vụ án.

Tại đơn đề nghị xác định tình trạng hôn nhân: Ủy ban nhân dân xã N xác nhận chị Đinh Thị L và anh Hoàng Văn K không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã.

Tại biên bản xác minh đối với bà Hoàng Thị Nh là mẹ đẻ của anh Hoàng Văn K, bà Nh cho biết: Anh K, chị L được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương từ năm 2006 nhưng không lên Ủy ban xã làm thủ tục kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị chung sống đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị L đi làm ăn xa nhà, anh K không tu chí làm ăn dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị L và anh K không cùng chung sống từ tháng 1/2022. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Xuân T và Hoàng Thị N1, hiện cháu T đang ở cùng với anh K và gia đình bà Nh, còn cháu N1 đang ở cùng với mẹ do chị L nuôi dưỡng, chăm sóc. Hiện anh K đi làm không có mặt ở nhà, bà có nhận thay các thông báo của Tòa với anh K và anh K có nói lại với bà là không có thời gian để lên Tòa án làm việc, để mặc chị L tự giải quyết tại Tòa án.

Tại biên bản xác minh ngày 25/11/2022 bà Phan Thị K1, trưởng Thôn Đ, xã N, huyện V, Yên Bái cho biết: Anh K và chị L chỉ tổ chức lễ cưới năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn, sau đó sống chung tại thôn Đuông xã N đến đầu năm 2022 thì vợ chồng không tiếp tục chung sống cùng nhau nữa, nguyên nhân do anh K không tu chí làm ăn. Về con chung: Anh K, chị L có 02 con chung, từ thời điểm anh chị không chung sống cùng nhau thì con trai Hoàng Xuân T đang do anh K nuôi dưỡng và ở cùng ông bà nội ở Thôn Đ, xã N, con gái là cháu N1 ở cùng mẹ và ông bà ngoại cách đó vài nhà cũng ở Thôn Đ, xã N. Tại địa phương anh K và chị L đều là lao động tự do, đối với người dân lao động tự do tại địa phương có mức thu nhập từ khoảng 200.000 đồng đến 300.000 đồng/ ngày.

Tại biên bản xác minh ngày 25/11/2022 ông Vũ Thanh X, Phó Trưởng công an xã N cho biết: Anh Hoàng Văn K, sinh năm 1987 có hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Anh Hoàng Văn K hiện vẫn có mặt ở địa phương.

Con chung Hoàng Xuân T có nguyện vọng được ở với bố Hoàng Văn K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản pháp luật và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do đã vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Tòa án tuyên bố chị Đinh Thị

L và anh Hoàng Văn K không phải là vợ chồng. Về con chung: giao con chung Hoàng Thị N1 cho chị Đinh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Hoàng Xuân T cho anh Hoàng Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Hoàng Văn K là bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái vụ án do Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên tòa anh Hoàng Văn K vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Chị Đinh Thị L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Đinh Thị L và anh Hoàng Văn K.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị L và anh Hoàng Văn K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 tại Thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân xã N xác nhận chị Đinh Thị L và anh Hoàng Văn K không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì việc sống chung như vợ chồng của chị L và anh K không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, yêu cầu của chị Đinh Thị L được Hội đồng xét xử chấp nhận và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đinh Thị L và anh Hoàng Văn K.

[4] Về con chung: Anh K và chị L có 02 con chung là Hoàng Xuân T, sinh ngày 10/12/2008 và Hoàng Thị N1, sinh ngày 10/8/2016. Hiện cháu T sống chung với anh K và cháu có nguyện vọng ở cùng bố, còn cháu N1 đang sống cùng chị L. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các con chưa thành niên và phù hợp với việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con sau khi ly hôn, thì việc giao cho chị Đinh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Thị N1, giao cho anh Hoàng Văn K trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Xuân T, các bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với quy định tại các Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Đinh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000 đồng.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Đình Thị L** và anh **Hoàng Văn K**.

2. Về con chung: Giao cho chị Đình Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hoàng Thị N1, sinh ngày 10/8/2016, giao cho anh Hoàng Văn K được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hoàng Xuân T, sinh ngày 10/12/2008, các bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đình Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2021/0002674 ngày 11/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V tỉnh Yên Bái, chị L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đình Thị L, anh Hoàng Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu HS.

Lưu Hoa Quỳnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ'

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Hoa Quỳnh

